TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1981; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thành T2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2022, bản khai ngày 23 tháng 11 năm 2022, chị Phạm Thị Thu T1 trình bày: Vào năm 2003, chị và anh Hồ Thành T2 cưới nhau, trước khi cưới có tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, chị và anh T2 sống chung với gia đình anh T2. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng khoảng 05 năm trở lại đây thì vợ chồng có mâu thuẫn nhau do anh T2 lâm vào cờ bạc, cá độ đá banh nợ nần, chị có khuyên can nhưng anh T2 không nghe, nên vợ chồng đã không còn sống chung từ khoảng 05 năm nay, không thể hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T2. Về con chung: Chị và anh T2 chung sống có 02 con chung Hồ Thành T3, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2009 và Hồ Thành T4, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2004, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồ Thành T3, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Hồ Thành T4 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản chung: Chị và anh T2 chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Hồ Thành T2, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 23 tháng 11 năm 2022, cháu Hồ Thành T3 trình bày: Ba mẹ li hôn muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1 được ly hôn với anh Hồ Thành T2; về con chung: Giao con chung Hồ Thành T3, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2009 cho chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 chưa có yêu cầu, còn cháu Hồ Thành T4 đã trưởng thành, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 trình bày không có và anh T2 không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Thành T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu T1 và anh Hồ Thành T2 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu T1 đối với anh Hồ Thành T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị T1 thì cuộc sống của chị và anh T2 không còn hạnh phúc khoảng 05 năm, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 lâm vào cờ bạc, cá độ đá banh, nợ nần. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T1 đối với anh T2 hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị T1 ly hôn với anh T2.

[4] Về việc nuôi con: Chị Phạm Thị Thu T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Thành T3, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2009, không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T1 và anh T2 không còn sống chung và hiện nay thì cháu T3 do chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T3 cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối với cháu

Hồ Thành T4, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2004, đã trưởng thành và chi T1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu T1 cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Hồ Thành T2 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu T1, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu T1 và anh Hồ Thành T2.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Phạm Thị Thu T1 được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hồ Thành T3, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2009.

2.2. Anh Hồ Thành T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu T1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004143 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LKB, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng